

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**
Số: 11 /2021/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Phú Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Phú Yên trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Phú Yên trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Phú Yên trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa các cấp chính quyền địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2017 đến năm 2020 và Nghị quyết số 35/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định việc phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2017 đến năm 2020.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VIII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 10 năm 2021, áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025. *th*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh,
- Viện KSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Phú Yên; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Phú Yên trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Phú Yên trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%
 - a) Thuế tài nguyên thu từ các đơn vị do cấp tỉnh quản lý, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
 - b) Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước các đơn vị do cấp tỉnh quản lý, do UBND tỉnh ban hành Quyết định cho thuê đất;
 - c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các đơn vị do cấp tỉnh quản lý;
 - d) Tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý;
 - đ) Tiền cho thuê nhà và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước thu từ các đơn vị do cấp tỉnh quản lý;

- e) Các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;
- g) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;
- h) Lệ phí môn bài thu từ các đơn vị do cấp tỉnh quản lý;
- i) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trực thuộc tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- k) Lệ phí do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thu; trừ Lệ phí môn bài quy định tại điểm h khoản 1 Điều này;
- l) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp mà có vốn của tỉnh tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc tỉnh quản lý;
- m) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;
- n) Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương;
- o) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật;
- p) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh quyết định;
- q) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;
- r) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;
- s) Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương;
- t) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;
- u) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang;
- v) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương;
- x) Các khoản thu khác của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp

luật, bao gồm cả thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai; thu ngân sách cấp dưới nộp lên.

2. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%

a) Các khoản thu nêu tại các Điểm a, đ, h, i, k, l, m, r thuộc khoản 1 Điều này do cấp huyện quản lý;

b) Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước các đơn vị do cấp huyện quản lý, do UBND cấp huyện ban hành Quyết định cho thuê đất;

c) Tiền sử dụng đất do cấp huyện quản lý;

d) Lệ phí trước bạ, trừ lệ phí trước bạ nhà, đất;

đ) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quyết định;

e) Thu kết dư ngân sách cấp huyện;

g) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang;

h) Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh;

i) Các khoản thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật, bao gồm cả thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai; thu ngân sách cấp dưới nộp lên.

3. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

a) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

b) Các khoản phí, lệ phí giao cho xã tổ chức thu theo quy định;

c) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quyết định;

d) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc xã xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

đ) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý;

e) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã;

g) Thu kết dư ngân sách cấp xã;

h) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang;

i) Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện;

k) Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật, bao gồm cả thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai.

4. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% theo quy định của

Luật Ngân sách nhà nước được phân chia lại giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 70%, ngân sách cấp huyện hưởng 30% đối với khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương hưởng theo quy định của pháp luật

b) Ngân sách cấp huyện hưởng 30%, ngân sách cấp xã hưởng 70% đối với các khoản thu: Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thu từ hộ gia đình và các đơn vị do cấp huyện quản lý; Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; Lệ phí trước bạ nhà đất.

5. Các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng theo từng khoản thu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 và khoản 1, 2, 3 Điều 4 được phân chia theo tỷ lệ phần trăm tương ứng giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; đối với các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu thì cấp nào quản lý thu cấp đó hưởng 100%; riêng các khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng ngân sách địa phương được hưởng thì điều tiết ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Điều 4. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phần ngân sách địa phương hưởng

1. Phân chia theo tỷ lệ ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% đối với các khoản thu sau đây do cấp tỉnh quản lý thu

a) Thuế giá trị gia tăng thu từ các đơn vị do cấp tỉnh quản lý thu, trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ các đơn vị do cấp tỉnh quản lý thu, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

c) Thuế thu nhập cá nhân do cấp tỉnh quản lý thu;

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ các đơn vị do cấp tỉnh quản lý thu, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;

đ) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ngân sách cấp tỉnh hưởng 0%, ngân sách cấp huyện hưởng 100% bao gồm: Các khoản thu quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này do cấp huyện quản lý thu.

3. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ngân sách cấp tỉnh hưởng 0%, ngân sách cấp huyện hưởng 70%, ngân sách cấp xã hưởng 30%

a) Thuế giá trị gia tăng thu từ hộ kinh doanh cá thể;

b) Thuế thu nhập cá nhân thu từ hộ kinh doanh cá thể.

Chương III

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

- a) Đầu tư cho các dự án theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này do cấp tỉnh quản lý;
- b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của nhà nước theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý;
- c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý.

2. Chi thường xuyên của các sở, ngành, các đơn vị trực thuộc và cơ quan khác ở cấp tỉnh trong các lĩnh vực

- a) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề do cấp tỉnh quản lý;
- b) Sự nghiệp khoa học công nghệ;
- c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phân cấp tỉnh quản lý;
- d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;
- đ) Sự nghiệp văn hoá thông tin;
- e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;
- g) Sự nghiệp thể dục thể thao;
- h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;
- i) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại; du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác;
- k) Hoạt động của các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh;
- l) Hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;
- m) Chi đảm bảo xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;
- n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển

Các nhiệm vụ chi tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 5 nêu trên do cấp huyện quản lý.

2. Chi thường xuyên

a) Các nhiệm vụ chi tại các điểm a, c, đ, e, g, h, i, k, l, m và n khoản 2 Điều 5 nêu trên do cấp huyện quản lý;

b) Chi sự nghiệp y tế của cấp huyện, bao gồm kinh phí hỗ trợ các hoạt động sự nghiệp y tế trên địa bàn và kinh phí thực hiện mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

4. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Các nhiệm vụ chi tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 5 nêu trên do cấp xã quản lý;

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội của cấp xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Các nhiệm vụ chi tại các điểm c, đ, e, g, h, i, k, l, m và n khoản 2 Điều 5 nêu trên do cấp xã quản lý;

b) Chi hỗ trợ các hoạt động sự nghiệp giáo dục - đào tạo trên địa bàn;

c) Chi hỗ trợ các hoạt động sự nghiệp y tế trên địa bàn.

d) Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ).

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã. /*zh*

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An